TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 105/2018/HNGĐ - ST Ngày: 14-8-2018 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giang San

Bà Trần Thị Hồng Phượng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đường Hạc Vương Dung – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 345/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Ngọc X, sinh năm 1982.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị X và anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2018 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Ngọc X trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc D xây dựng gia đình với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 04 tháng 11 năm 2005. Việc kết hôn do chị và anh D đều tự nguyện. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D. Nguyên nhân chị X yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, về cách nuôi dạy con và anh D hay ghen tuông vô cớ mỗi khi chị đi làm về nhà trễ.

Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Năm 2017, chị có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh D. Tuy nhiên, đến ngày 08/3/2018 thì chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng giữa chị và anh D vẫn không thể chung sống hạnh phúc được nên nay chị tiếp tục yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị X và anh D có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh ngày 06/01/2007. Nếu ly hôn, chị X yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị X đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật

Lời khai của anh Nguyễn Ngọc D tại hồ sơ thể hiện: Anh D và chị X xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2005, việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân chủ yếu là do mâu thuẫn về tiền bạc, anh D xác định là anh có ghen tuông vì chị X thường đi làm về trễ. Việc chị X khai anh xúc phạm cha mẹ vợ là không có. Tháng 06/2017, chị X dọn về nhà cha mẹ ruột của anh tại địa chỉ Thôn H, xã S, huyện T sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Quá trình sống ly thân anh và chị X có gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị X xin ly hôn, anh D không đồng ý mà anh D có nguyện vọng xin được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh D khai giữa anh và chị X có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh ngày 06/01/2007. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung.

Anh D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X; giao con chung cho chị X nuôi dưỡng, chị X nuôi con không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Ngọc X, bị đơn anh Nguyễn Ngọc D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Ngọc X và anh Nguyễn Ngọc D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc X và anh Nguyễn Ngọc D xây dựng gia đình với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã

S, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2005, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị X xin ly hôn với anh D với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau về kinh tế, về cách nuôi dạy con và anh D hay ghen tuông vô cớ. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Phía anh D cũng thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau do mâu thuẫn về tiền bạc; do anh hay ghen tuông và giữa anh và chị X đã sống ly thân từ tháng 06/2017 đến nay nhưng anh D không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị X mà anh D mong muốn được đoàn tụ để về chung sống nuôi dạy con chung.

Xét quan hệ hôn nhân của chị X và anh D thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thể hiện chị X và anh D đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2017, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, trong thời gian sống ly thân chị X và anh D không thể hòa giải, bàn bạc để đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Qua lời khai ngày 05/7/2018 của bà Trần Thị L, là mẹ ruột của anh D, bà L cũng xác định: Quá trình chung sống giữa anh D và chị X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nguyên nhân do anh Duy hiểu lầm chị Xuân dẫn đến hay ghen tuông. Bà L cũng xác định từ tháng 06/2017 chị X cùng con gái dọn về nhà bà ở và sống ly thân anh D đến nay và trong thời gian ly thân giữa anh D và chị X có gặp nhau bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành.

Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống giữa chị X và anh D có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, xử cho chị X được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị X và anh D có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh ngày 06/01/2007. Chị X và anh D đều yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân và hiện tại chị X đều nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt. Hơn nữa, cháu N đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến thì cháu N có nguyện vọng sống với chị X. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị X nuôi con không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Ngọc X phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Phạm Ngọc X đối với anh Nguyễn Ngọc D.

Xử cho chị Phạm Ngọc X được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh ngày 06/01/2007 cho chị Phạm Ngọc X nuôi dưỡng. Tạm thời anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Ngọc X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 002260 ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị X và anh D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND X.S, H.T (GCNKH số 123, quyển số I/2005) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Bùi Thị Minh Thảo